

RÀO CẢN KỸ THUẬT CỦA MỸ ĐỐI VỚI TÔM VÀ CÁ DA TRƠN XUẤT KHẨU CỦA VIỆT NAM

Hoàng Thị Thu Hiền^{1*}, Nguyễn Tuấn Sơn², Chu Thị Kim Loan²

¹*Trường Cán bộ quản lý nông nghiệp và Phát triển nông thôn I*
²*Khoa Kế toán và Quản trị Kinh doanh, Học viện Nông nghiệp Việt Nam*

Email*: hoangthuhien28@gmail.com

Ngày gửi bài: 18.06.2014

Ngày chấp nhận: 01.09.2014

TÓM TẮT

Bài viết nhằm phân tích thực trạng xuất khẩu tôm và cá da trơn của Việt Nam vào thị trường Mỹ, xác định các rào cản kỹ thuật từ đó đề xuất các giải pháp nhằm giúp doanh nghiệp Việt Nam đáp ứng được yêu cầu của nhà nhập khẩu Mỹ. Nghiên cứu sử dụng dữ liệu thứ cấp, thông qua phương pháp phân tích so sánh số tuyệt đối, tương đối. Bài viết còn đề xuất một số kiến nghị nhằm nâng cao khả năng vượt qua được các rào cản kỹ thuật đối với tôm và cá da trơn sang thị trường Mỹ.

Từ khóa: Cá da trơn, tôm, rào cản kỹ thuật, xuất khẩu.

USA Technical Barriers to Exported Shrimp and Catfish of Viet Nam

ABSTRACT

This research aimed to analyze the situations when Vietnam's shrimp and catfish exported to USA market, and to identify technical barriers to help such companies to meet USA-importer's requirements. The secondary data were analyzed using comparative methods of absolute and relative quantities. Some recommendations to overcome technical barriers for shrimp and catfish export to the US market.

Keywords: Catfish, export, shrimp, technical barriers.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Tôm và cá da trơn là hai mặt hàng xuất khẩu chủ lực của ngành thủy sản Việt Nam. Năm 2013, xuất khẩu tôm và cá da trơn của nước ta đạt khoảng 4,8 tỷ USD, chiếm 71,64% tổng kim ngạch xuất khẩu thủy sản cả nước. Trong đó Mỹ là một trong ba thị trường xuất khẩu chính của tôm và cá da trơn Việt Nam, năm 2013 kim ngạch xuất khẩu tôm và cá da trơn sang thị trường Mỹ đạt khoảng 1,21 tỷ USD (VASEP, 2013) Tuy nhiên xuất tôm và cá da trơn sang Mỹ đã và đang đối mặt với nhiều thách thức, đặc biệt là hệ thống rào cản kỹ thuật đối tôm và cá da trơn xuất khẩu của Việt Nam. Các rào cản kỹ thuật trong thương mại được sử dụng trong hầu hết các ngành công nghiệp, đặc biệt là đối với các sản phẩm nông

ng nghiệp chế biến. Các quy định về môi trường đối với các sản phẩm thủy sản nói chung và tôm, cá da trơn nói riêng trở nên phức tạp hơn, mặc dù đã có những sáng kiến để làm giảm bớt các quy định khắt khe đang được nhiều nước xem xét. Hiện nay, một khối lượng đáng kể các sản phẩm tôm và cá da trơn của Việt Nam đã bị trả lại ngay tại các cảng của Mỹ vì không phù hợp với các quy định về yếu tố môi trường, an toàn thực phẩm của Mỹ. Điều này đã gây ra nhiều thiệt hại cho các nhà sản xuất và xuất khẩu của Việt Nam. Chính vì vậy việc nghiên cứu kỹ các rào cản kỹ thuật của Mỹ đối với tôm và cá da trơn để có được những giải pháp giúp các sản phẩm xuất khẩu thủy sản vượt qua được rào cản kỹ thuật là rất cần thiết nhằm đẩy mạnh xuất khẩu trong thời gian tới.

Bài viết này phân tích các rào cản kỹ thuật đối với tôm và cá da trơn xuất khẩu vào thị trường Mỹ, đánh giá thực trạng xuất khẩu tôm và cá da trơn Việt Nam vào thị trường này; đề xuất một số giải pháp pháp nhằm vượt qua rào cản kỹ thuật đẩy mạnh xuất khẩu tôm và cá da trơn vào thị trường Mỹ.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu chủ yếu sử dụng số liệu thứ cấp, được thu thập từ báo cáo kết quả của Vasep từ năm 2010 đến 2013. Tham khảo các bài báo, tạp chí về rào cản kỹ thuật. Ngoài ra, số liệu về các lô hàng tôm và cá da trơn bị trả lại và nguyên nhân từ chối được trích từ trang Web của Bộ Thương mại Mỹ (Food and Drug Administration - FDA).

Để phân tích dữ liệu, nghiên cứu chủ yếu sử dụng phương pháp thống kê mô tả, phản ánh những đặc tính của hiện tượng nghiên cứu thông qua các chỉ tiêu số tương đối, số tuyệt đối và số bình quân. Bên cạnh đó, phương pháp so sánh cũng được sử dụng để thấy sự thay đổi của số liệu qua các năm là cơ sở để đánh giá bản chất các hiện tượng.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Hệ thống rào cản kỹ thuật của Mỹ đối với tôm và cá da trơn xuất khẩu của Việt Nam

3.1.1. Khái quát một số lý luận về rào cản kỹ thuật

Hàng rào kỹ thuật đề cập tới các tiêu chuẩn của hàng hoá mà mỗi quốc gia quy định một cách khác nhau. Các tiêu chuẩn này có thể bao gồm các thông số, đặc điểm cho mỗi loại hàng hoá do các cơ quan chính quyền hoặc các tổ chức tư nhân đặt ra. Mặc dù tuân thủ theo các thông số kỹ thuật này có thể không phải là bắt buộc nhưng những ai không tuân thủ thì thị trường tẩy chay. Các tiêu chuẩn kỹ thuật đòi hỏi các sản phẩm phải đạt được những yêu cầu nhất định trước khi được đưa ra thị trường. Các thông số kỹ thuật có thể đóng vai trò như các rào cản thương mại, đặc biệt khi nó được quy định khác nhau giữa các nước.

Hàng rào kỹ thuật trong thương mại có thể được chia làm 3 nhóm sau:

- Các quy định về dịch tễ vệ sinh an toàn (Sanitary and phytosanitary): Các qui định này được các nước đưa ra để bảo vệ sức khỏe cho người, vật nuôi và cây trồng.

- Các biện pháp đối với người tiêu dùng: Các biện pháp quy định về chất lượng và an toàn thực phẩm bao gồm nhãn mác, đóng gói, dư lượng thuốc trừ sâu, hàm lượng dinh dưỡng và tạp chất. Các quy định này có thể cho phép một quốc gia sử dụng các rào cản nhằm đảm bảo hàng hoá an toàn.

- Các biện pháp thuộc thương mại: Được thực hiện nhằm ngăn chặn gian lận thương mại, bao gồm các chứng từ vận chuyển và tài chính, các tiêu chuẩn nhận dạng và các tiêu chuẩn đo lường.

3.1.2. Thực trạng hệ thống rào cản kỹ thuật đối với tôm và cá da trơn nhập khẩu của Việt Nam vào thị trường Mỹ

a. Quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm (VSATTP)

Theo luật, tất cả các loại thực phẩm sản xuất trong nước và nhập khẩu đều phải chịu sự điều tiết của luật Liên bang như: Luật về Thực phẩm, Dược phẩm, Luật về Bao bì và Nhãn hàng, và một số phần của luật về Dịch vụ y tế. Ngoài ra còn có các quy định riêng của Bộ Nông nghiệp Mỹ, hoặc Cục Nghệ cá biển quốc gia Mỹ. Ngoài hệ thống pháp luật liên bang, mỗi bang hoặc khu hành chính đều có hệ thống pháp luật riêng. Pháp luật bang và khu hành chính không được trái với Hiến pháp của Liên bang. Bất cứ hàng hoá nào khi nhập khẩu vào Mỹ phải đảm bảo các tiêu chuẩn như là các sản phẩm nội địa. Nhà xuất khẩu và chế biến đều phải tuân theo các quy định của Mỹ, cụ thể là theo Bộ luật Liên bang Mỹ CFR (Code of Federal Regulations) để đảm bảo sản phẩm không có độc tố, an toàn trong sử dụng và được sản xuất trong điều kiện vệ sinh.

Bộ luật liên bang Mỹ 21 CFR, quy định từ ngày 18/12/1997 chỉ có các doanh nghiệp nước ngoài nào đã thực hiện HACCP (Hazard Analysis Control Critical Point - Hệ thống phân

Bảng 1. Danh mục các chất kháng sinh cấm sử dụng

TT	Tên chất kháng sinh cấm sử dụng
1	Chloramphenicol
2	Clenbuterol
3	Diethylstilbestrol (DES)
4	Dimetridazole
5	Iprnidazole
6	Nitroimidazoles
7	Furazolidone
8	Nitrofurazone
9	Sulfonamide
10	Fluoroquinolone
11	Glycopeptides

Nguồn: FDA, 1998

tích mối nguy và điểm kiểm soát tối hạn) mới được xuất khẩu vào thị trường Mỹ. Kế hoạch HACCP nhấn mạnh vai trò của nhà sản xuất, thường xuyên ngăn ngừa và xử lý kịp thời những mối nguy có thể xâm nhập vào sản phẩm từ khâu nguyên liệu tới sản phẩm cuối cùng. Quy định này yêu cầu phải phân tích, kiểm soát dây chuyền công nghệ sản xuất tại các điểm kiểm soát trong suốt quá trình để đảm bảo sản phẩm an toàn, vệ sinh, thay cho phương pháp kiểm soát sản phẩm cuối cùng đã được áp dụng trước đây.

FDA cho biết thông thường ở nhiều nước khác nhau trong nuôi trồng thủy sản trừ những loại kháng sinh bị cấm, các loại kháng sinh khác đều được phép sử dụng. Ngược lại, ở Mỹ trừ những loại kháng sinh được phép sử dụng, tất cả các loại kháng sinh khác đều bị cấm. Ở Mỹ hiện nay chỉ có 6 loại kháng sinh được phép sử dụng trong nuôi trồng thủy sản. FDA còn chỉ rõ các loại kháng sinh đó do công ty được phẩm nào cung cấp và quy định cụ thể đối tượng, điều kiện và cách thức sử dụng từng loại. Sáu loại kháng sinh đó là: Chorionic gonadotropin, formalin solution, tricaine methanesulfonate, oxytetracycline, sulfamerazine và hỗn hợp sulfadimethoxine/ormetoprim.

FDA còn có một danh mục 18 thứ khác không phải kháng sinh hiện đang được sử dụng trong nuôi trồng thủy sản. Danh mục này gồm:

axit axetic, calcium chloride, calium oxide, carbon dioxide gas, fuller's earth, tòi (cả củ), hydrogen peroxide, nước đá, magnesium sulfate, hành (cả củ), papain, potassium chloride, povidoneiodine, sodium bicarbonate, sodium sulfite, thiamine hydrochloride, axit urea và tannic. Ngoài ra Mỹ quy định 11 loại chất cấm sử dụng (Bảng 1) trong nuôi trồng thủy sản.

b. Quy định của Mỹ về kiểm dịch

- Phụ gia thực phẩm

Theo luật FDCA bất kỳ chất nào được sử dụng trong sản xuất, chế tạo, đóng gói, chế biến, xử lý, bao gói, vận chuyển, hoặc lưu giữ thực phẩm, đều có thể được coi là phụ gia thực phẩm. Các chất loại trừ: (i) các chất được chuyển gia công nhận là an toàn; (ii) các chất được sử dụng phù hợp với phê chuẩn trước đó của FDA theo Luật Kiểm tra Sản phẩm Gia cầm.

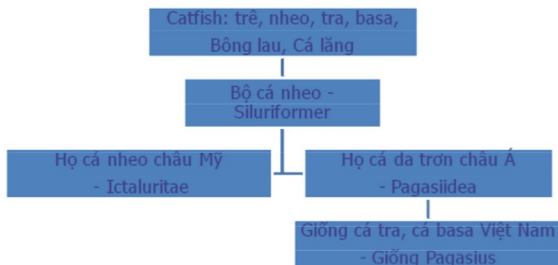
- Phẩm màu thực phẩm

Trừ những trường hợp được phép đặc biệt, tất cả các loại phẩm màu phải được FDA kiểm tra và chứng nhận trước khi đưa vào chế biến thực phẩm. Việc chứng nhận chất phẩm màu do một cơ quan nước ngoài tiến hành không được chấp nhận thay thế cho chứng nhận của FDA.

c. Quy định của Mỹ về nhãn mác

Luật pháp Mỹ quy định các nhãn hiệu hàng hoá phải được đăng ký tại Cục Hải quan Mỹ. Đạo luật về nhãn hiệu năm 1946 cấm nhập khẩu những sản phẩm làm nhái theo những thương hiệu đã được đăng ký tại Mỹ, hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn. Hàng hoá mang nhãn hiệu giả hoặc sao chép, bắt chước nhãn hiệu đã đăng ký bản quyền đều bị cấm nhập khẩu vào Mỹ.

Ảnh hưởng của biện pháp này thật sự không nhỏ. Các doanh nghiệp xuất khẩu của nước ta phải đăng ký lại nhãn hiệu (chi phí khoảng 450 USD) cũng như thay đổi toàn bộ bao bì, nhãn mác,... rất tốn kém. Việc tổ chức tiếp thị, giới thiệu lại sản phẩm cũng góp phần làm tăng giá thành sản phẩm. Hơn nữa, theo các chuyên gia của VASEP, việc phải thay đổi tên gọi của sản phẩm ở thị trường Mỹ sẽ ảnh hưởng đến lượng hàng hoá được tiêu thụ vì người tiêu dùng chưa quen với tên sản phẩm mới.



Sơ đồ 1. Phân loại Catfish theo Ngụ học

Nguồn: Tác giả tổng hợp

Sau nhiều năm tranh cãi rằng cá tra, basa của Việt Nam không phải là cá da trơn, người nông dân Mỹ đang đưa ra biện pháp mới để bảo vệ ngành cá da trơn trong nước.

Theo chiến dịch vận động hành lang mới nhất, người nông dân Mỹ muốn cá tra, basa nhập khẩu từ Việt Nam được coi như cá da trơn để họ được bảo vệ bởi cơ chế thanh tra, kiểm tra mới đã trình lên quốc hội năm ngoái. Ngoài ra Luật Mỹ cũng có một số quy định cụ thể như sau:

- Thông tin trên nhãn hàng: Luật quy định rằng các thông tin trên nhãn hàng phải được ghi rõ ràng để người tiêu thụ bình dân có thể đọc và hiểu được trong điều kiện mua và sử dụng thông thường. Nếu nhãn hàng có ghi bằng tiếng nước ngoài thì trên nhãn đó vẫn phải ghi cả bằng tiếng Anh tất cả các thông tin theo qui định. Tất cả thực phẩm nhập khẩu phải ghi bằng tiếng Anh tên nước xuất xứ. Điều luật 21CFR101 qui định chi tiết về kích cỡ và thể loại, vị trí, v.v. của các thông tin ghi trên nhãn hàng.

- Thông tin về dinh dưỡng: Nhãn hàng thực phẩm phải có thông tin về dinh dưỡng nhằm giúp cho người tiêu dùng lựa chọn thực phẩm phù hợp và tốt cho sức khỏe của mình. Điều luật 21CFR phần 101 quy định rất cụ thể và đầy đủ các thông tin cần có trên nhãn hàng. Đối với một số sản phẩm hay nhóm sản phẩm đặc biệt còn có thêm các quy định riêng. Các quy định về ghi thành phần dinh dưỡng đã được sửa đổi bổ sung đầy đủ hơn năm 1993. Những điều khoản và yêu cầu mới có hiệu lực từ 8/5/1994.

Không chỉ có vậy kể từ 1/1/2006, Mỹ đưa ra quy định mới về ghi nhãn sản phẩm: bất kỳ sản phẩm nào có chứa các thành phần trong đó có protein trong cá và thủy sản có vỏ sẽ phải được ghi nhãn rõ bằng tiếng Anh tên của các nguồn gây dị ứng được ghi đằng sau dòng chữ “contains” (có chứa) và đặt sau hoặc liền kề danh mục các thành phần thực phẩm. Ví dụ như, nếu sản phẩm đó có sử dụng protein xuất xứ từ cá, thì nguồn protein như cá da trơn phải được ghi trên nhãn.

d. Tiêu chuẩn thực phẩm

Bất cứ hàng hoá nào khi nhập khẩu vào Mỹ phải đảm bảo các tiêu chuẩn như là các sản phẩm nội địa. Nhà xuất khẩu và chế biến đều phải tuân theo các quy định của Mỹ, cụ thể là theo Bộ luật Liên bang Mỹ CFR (Code of Federal Regulations) để đảm bảo sản phẩm không có độc tố, an toàn sử dụng và được sản xuất trong điều kiện vệ sinh.

Quy định 21CFR 103-169 nêu chi tiết các tiêu chuẩn thực phẩm của FDA. Tiêu chuẩn nhận dạng sản phẩm (standards of identify) định nghĩa các loại thực phẩm, xác định tên gọi, các thành phần và các yêu cầu về nhãn mác.

e. Đăng ký cơ sở sản xuất theo luật chống khủng bố sinh học

Luật an ninh y tế sẵn sàng đối phó với khủng bố sinh học năm 2002 (Public Health Security and Bioterrorism Preparedness and Response Act of 2002) thường gọi tắt là Luật Chống khủng bố sinh học, do tổng thống Mỹ ký

ngày 12/6/2002 đã chỉ định và giao quyền cho Bộ trưởng Y tế tiến hành các biện pháp cần thiết để đối phó với nguy cơ khủng bố sinh học nhằm vào nguồn cung thực phẩm cho Mỹ.

Theo Luật, chỉ các cơ sở sản xuất/ chế biến, đóng gói hoặc bảo quản thực phẩm dành cho tiêu dùng ở Mỹ mới đăng ký. Mật hàng tôm là một trong những sản phẩm phải đăng ký.

g. Luật hiện đại hóa an toàn vệ sinh thực phẩm (Food Safety Modernization - FSMA)

Từ ngày 1/10/2012 - 31/12/2012, các cơ sở sản xuất chế biến thực phẩm muốn xuất khẩu sang thị trường Mỹ phải thực hiện đăng ký thông tin với Cục Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Mỹ theo quy định của Luật Hiện đại hóa An toàn vệ sinh thực phẩm (FSMA). Kể từ thời điểm này, các doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản sang Mỹ phải đăng ký với FDA 2 năm/lần.

FSMA yêu cầu tất cả các cơ sở sản xuất thực phẩm đã đăng ký thông tin với FDA theo quy định trong mục 415 của Đạo Luật về Thực phẩm, Dược phẩm và Mỹ phẩm phải tiến hành đăng ký lại với cơ quan này theo nội dung đăng ký mới quy định bổ sung tại mục 102 của FSMA. Giai đoạn đăng ký đầu tiên diễn ra từ 1/10/2012 đến 31/12/2012.

Mục 102 bổ sung thêm các mặt hàng thực phẩm mới so với danh mục thực phẩm cũ nêu tại điểm 21 CRF 170.3. Trong đó, mục “Sản phẩm thủy hải sản” (Fishery/Seafood Products) tại danh mục cũ được đổi thành “Sản phẩm thủy hải sản: các loài cá; cá nguyên con hoặc phi lê; thủy sản có vỏ; sản phẩm thủy sản ăn liền; thủy sản chế biến và các sản phẩm thủy sản khác”.

h. Đạo luật nông nghiệp (Farm bill 2008)

Ngày 4/2/2014 vừa qua Thượng viện Mỹ đã thông qua Luật Nông trại 2008 với ngân sách trợ cấp cho các nông trại lên đến gần 1.000 tỷ USD. Trong dự luật này có điều khoản chuyển chức năng giám sát cá da trơn từ Cơ quan Quản lý dược phẩm và thực phẩm sang Bộ Nông nghiệp (United State Department of Agriculture - USDA). Đây được coi là hàng rào thương mại nhằm bảo vệ lợi ích người nuôi cá da trơn của Mỹ nhưng gây khó cho cá tra, cá ba sa xuất

khẩu của Việt Nam bởi khi USDA tiếp quản chức năng này thì cơ quan này sẽ áp dụng những tiêu chuẩn gắt gao hơn đối với các sản phẩm nhập khẩu tương đương như áp dụng cho các sản phẩm cá da trơn nội địa.

3.2. Thực trạng xuất khẩu và cảnh báo về chất lượng tôm và cá da trơn vào thị trường Mỹ

3.2.1. Kim ngạch xuất khẩu tôm và cá da trơn sang thị trường Mỹ

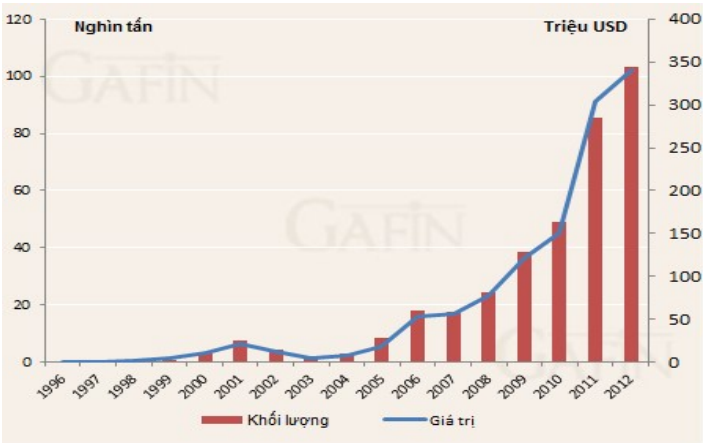
a. Mật hàng cá da trơn

Việt Nam bắt đầu xuất khẩu cá tra, basa vào thị trường Mỹ kể từ năm 1996. Sản phẩm cá tra, basa phi lê do Việt Nam sản xuất được người tiêu dùng Mỹ đặc biệt ưa chuộng do chất lượng ngon, giá thành hạ và có hương vị tương tự như cá da trơn bản địa. Trong nước, với việc không ngừng nâng cao trình độ sản xuất, áp dụng các kỹ thuật nuôi trồng tiên tiến, khép kín, sản lượng cá tra Việt Nam không ngừng tăng mạnh, giá thấp hơn, đáp ứng ngày một tốt hơn cho nhu cầu xuất khẩu.

Năm 2001, Việt Nam ký kết Hiệp định thương mại song phương với Mỹ khiến thuế nhập khẩu thủy sản giảm xuống còn 0%. Do vậy, lượng cá tra, basa xuất khẩu của Việt Nam vào Mỹ đã không ngừng tăng mạnh, từ 59 tấn năm 1996 lên 3.191 tấn năm 2000 và trên 103 nghìn tấn năm 2012. Thị phần xuất khẩu vào Mỹ cũng tăng từ 5,2% năm 1996 lên 85,4% năm 2000 và 95,9% năm 2012 (Gafin, 2013). Nhưng tốc độ tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu giai đoạn 2010 - 2013 đã có dấu hiệu chững lại, bình quân đạt 7,65% do nhiều nguyên nhân cả về nguồn nguyên liệu trong nước, rào cản kỹ thuật và mức thuế chống bán phá giá đang bị áp dụng

b. Mật hàng tôm

Năm 2011, kim ngạch xuất khẩu tôm có dấu hiệu tốt, tăng 9,5% so với năm 2010 (Bảng 2). Có được kết quả này là do chiến lược nuôi tôm chân trắng đáp ứng nhu cầu thế giới đang chuyển dần sang sản phẩm tôm cỡ nhỏ, giá rẻ phần nào giải quyết vấn đề nguyên liệu tôm sú thiếu hụt do dịch bệnh và thời tiết bất lợi.



Biểu đồ 1. Khối lượng và giá trị xuất khẩu cá tra vào Mỹ 1996-2012

Nguồn: Gafin, 2013

Bảng 2. Kim ngạch xuất khẩu tôm và cá da trơn Việt Nam sang thị trường Mỹ 2010 - 2013 (Triệu USD)

Mặt hàng	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Tốc độ tăng, giảm (%)		
					11/10	12/11	13/12
Cá tra	304,8	331,6	358	380,8	8,79	7,96	6,4
Tôm	510	558,5	454,5	831	9,5	-18,6	82,8
Tổng	814,8	890,1	812,5	1.211,8	9,2	-8,7	49,1

Nguồn: Tổng hợp từ VASEP

Năm 2012, xuất khẩu tôm giảm 18,6% so với năm 2011 một phần do nguồn nguyên liệu đánh bắt trong nước bị thiếu hụt, doanh nghiệp phải cạnh tranh gay gắt trong nhập khẩu nguyên liệu với các nước khác trong khi nguồn cung suy giảm.

Năm 2013 lần đầu tiên Mỹ trở thành nước nhập khẩu tôm lớn nhất của Việt Nam, tăng 82,8% so với năm 2012. Nguyên nhân do hội chứng tôm chết sớm tiếp tục ảnh hưởng nghiêm trọng đến nguồn cung tôm. Điển hình là Thái Lan - nước chiếm 12,5% sản lượng tôm thế giới, sản lượng tôm nước này ước giảm 50% so với lượng 500.000 tấn năm trước. Sự thiếu hụt từ Thái Lan đã đẩy giá tôm thế giới liên tục tăng. Trong khi đó, Việt Nam đã kiểm soát được dịch

bệnh nên nhờ cơ hội này doanh nghiệp tôm Việt Nam đã gia tăng được kim ngạch.

3.2.2. Thực trạng cảnh báo về chất lượng của doanh nghiệp xuất khẩu tôm và cá da trơn sang thị trường Mỹ

Việt Nam là 1 trong 3 nước đứng đầu về số vụ bị từ chối nhập khẩu cá và sản phẩm thủy sản (theo số liệu tuyệt đối) tại 4 thị trường nhập khẩu lớn là EU, Mỹ, Nhật Bản và Australia, đồng thời là quốc gia có số vụ từ chối cao nhất so với giá trị hàng xuất khẩu thủy sản tại EU, Hoa Kỳ và Nhật Bản. Tổng giá trị trung bình tổn thất hàng năm do các vụ từ chối nhập hàng thủy sản của Việt Nam lên tới 14 triệu USD/năm (Tạ Hà, 2013).

Bảng 3. Số lô hàng tôm và cá da trơn của Việt Nam bị trả lại tại thị trường Mỹ (Số cảnh báo)

Mặt hàng	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Tốc độ tăng, giảm (%)		
					11/10	12/11	13/12
Cá tra	35	10	25	4	- 71,42	150,0	- 84,0
Tôm	33	31	21	35	- 6,06	- 32,25	66,67
Thủy sản	219	242	205	132	10,5	- 15,29	- 64,39

Nguồn: Tổng hợp từ www.accessdata.fda.gov

Bảng 4. Nguyên nhân chủ yếu của các lô hàng tôm và cá da trơn bị cảnh báo tại thị trường Mỹ (Lô hàng)

Nguyên nhân	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013
<i>Salmonella</i>	60	25	26	7
Chất bẩn	8	8	2	2
Sai mã	1	-	2	-
Thuốc thú y	-	8	17	23
Phẩm màu	-	1	-	-
Nitrofurán	-	-	6	7
Tổng *	69	42	54	39

* Ghi chú: Một lô hàng bị cảnh báo có thể do 1 hoặc nhiều nguyên nhân

Nguồn: Tổng hợp từ www.accessdata.fda.gov

Trong đó tại thị trường Mỹ mặt hàng tôm và cá da trơn chiếm khoảng 30% trong tổng số lô hàng thủy sản xuất khẩu sang Mỹ bị trả lại (Bảng 3).

Nhìn chung số lô hàng cá da trơn bị cảnh báo có xu hướng giảm, nhưng đối với mặt hàng tôm số lượng lô hàng bị cảnh báo vẫn còn cao. Nguyên nhân chủ yếu đối với các lô hàng bị FDA cảnh cáo là do nhiễm chất salmonella và vấn đề về thuốc thú y không có danh mục được sử dụng ở Mỹ.

3.3. Một số giải pháp vượt qua rào cản kỹ thuật đối với tôm và cá da trơn xuất khẩu sang Mỹ

Thứ nhất, duy trì nguồn nguyên liệu đầu vào chất lượng và ổn định

Trong thực tế sản xuất hiện nay, tình trạng cung cấp nguyên liệu theo mùa vụ và thường xuyên không ổn định gây khó khăn cho các doanh nghiệp chế biến xuất khẩu tôm và cá da

trơn. Vì vậy, cần tập trung tổ chức lại sản xuất theo hướng có liên kết sản xuất nhằm tạo ra sản lượng lớn, chất lượng cao đáp ứng yêu cầu của thị trường Mỹ, nâng cao hiệu quả và chất lượng khai thác, chống thất thoát sau thu hoạch.

Ngoài ra, doanh nghiệp cần tổ chức lại sản xuất theo hướng tập trung và liên kết với các nhà khoa học, nhà quản lý nhằm tạo ra sản lượng hàng hoá lớn và đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm cho sản phẩm tôm và cá da trơn.

Thứ hai, đổi mới và nâng cao năng lực công nghệ chế biến tôm và cá da trơn để nâng cao chất lượng sản phẩm

Các doanh nghiệp Việt Nam cần tiếp tục nâng cấp điều kiện sản xuất, áp dụng hệ thống quản lý đảm bảo VSAT thực phẩm theo HACCP, GMP, BAP... Đẩy mạnh hoạt động đầu tư theo chiều sâu, đổi mới công nghệ, tự động hoá dây chuyền chế biến. Đẩy mạnh thu hút đầu tư nước ngoài vào ngành chế biến để tiếp cận nền công nghiệp hiện đại trên thế giới.

Thứ ba, quan tâm bồi dưỡng nâng cao trình độ của đội ngũ cán bộ xuất nhập khẩu, cán bộ kỹ thuật

Yêu cầu đối với người cán bộ xuất nhập khẩu là phải giỏi nghiệp vụ ngoại thương, có đầu óc tư duy, năng động sáng tạo, dự báo ứng phó kịp thời với những biến động trên thị trường, thông thạo ngoại ngữ, hiểu rõ những thư từ, hợp đồng thương mại... Tuy nhiên, để đảm bảo cho ngành có được đội ngũ cán bộ xuất nhập khẩu không bị lạc hậu về trình độ thì hàng năm ngành phải có kế hoạch đào tạo lại cán bộ.

4. KẾT LUẬN

Tôm lại tôm và cá da trơn của Việt Nam xuất khẩu sang thị trường Mỹ đang phải đối mặt với một số rào cản như các quy định về VSATTP, quy định về kiểm dịch, quy định về nhãn mác, tiêu chuẩn sản phẩm, các quy định về chống khủng bố sinh học, luật hiện đại hoá an toàn thực phẩm cũng như các điều trong đạo luật Farmbill 2008.

Qua nghiên cứu cho thấy, trong những năm qua hoạt động xuất khẩu tôm và cá da trơn của Việt Nam sang Mỹ đã đạt được những thành tựu đáng kể, đóng góp không nhỏ vào GDP của cả nước. Bên cạnh đó hoạt động xuất khẩu tôm và cá da trơn sang thị trường Mỹ vẫn bộc lộ nhiều hạn chế mà nguyên nhân chủ yếu là việc đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật đặc biệt là vấn đề về

thuốc thú y và chất cấm salmonella. Điều này sẽ tác động trực tiếp đến khả năng xuất khẩu tôm và cá da trơn của Việt Nam sang Mỹ. Vì vậy, trong thời gian tới để đẩy mạnh xuất tôm và cá da trơn vào thị trường này cần phải duy trì nguồn nguyên liệu đầu vào chất lượng và ổn định, đồng thời cần đổi mới và nâng cao năng lực công nghệ chế biến tôm và cá da trơn để nâng cao chất lượng sản phẩm, không chỉ có vậy cũng cần quan tâm bồi dưỡng nâng cao trình độ của đội ngũ cán bộ xuất nhập khẩu, cán bộ kỹ thuật.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- FDA (1998). Green Book. "Chapter 11: Aquaculture Drugs." In Fish and Fishery Products Hazards and Controls Guide. (Second Edition). FDA: Washington, D.C. pp. 115-132.
- Gafin (2013). Nhìn lại các lần xem xét chống bán phá giá cá tra, basa Việt Nam vào Mỹ. Truy cập ngày 21/03/2013 tại <http://gafin.vn/20130321021742845p39c45/nhin-lai-cac-lan-xem-xet-chong-ban-pha-gia-ca-tra-basa-viet-nam-vao-my.htm>.
- [Http://www.accessdata.fda.gov/scripts/importrefusals/ir_selection.cfm?Dyear=2013&](http://www.accessdata.fda.gov/scripts/importrefusals/ir_selection.cfm?Dyear=2013&) Truy cập ngày 22/1/2014
- Tạ Hà (2013). Hàng thủy sản trả về có phải chỉ vì kém an toàn thực phẩm?. Truy cập ngày 15/04/2013 tại http://www.vasep.com.vn/Tin-Tuc/725_25272/Hang-thuy-san-tra-ve-co-phai-chi-vi-kem-an-toan-thuc-pham.htm
- VASEP (2010, 2011, 2012, 2013). Báo cáo xuất khẩu thủy sản Việt Nam các năm 2010, 2011, 2012, 2013. Vasep